

CHƯƠNG TRÌNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị
về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và
chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình thực hiện như sau:

I- TÌNH HÌNH CHUNG

Trong những năm qua, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp của tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai hiệu quả nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (viết tắt là KHCN, ĐMST và CDS); tạo điều kiện để các đơn vị, đội ngũ cán bộ làm công tác này phát huy vai trò, trách nhiệm, huy động cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội tham gia phát triển sự nghiệp KHCN, ĐMST và CDS của địa phương, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của tỉnh. Đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học và công nghệ có bước phát triển, là lực lượng đi đầu trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chính sách xã hội hoá, hợp tác quốc tế được tăng cường, thu hút nguồn lực cho phát triển KHCN, ĐMST và CDS của địa phương.

Nhận thức của cán bộ, đảng viên, Nhân dân, doanh nghiệp về vai trò, vị trí của KHCN, ĐMST và CDS được nâng lên. Công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ đã kịp thời cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cung cấp luận cứ khoa học để làm cơ sở đề ra các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của tỉnh trên các lĩnh vực, góp phần quan trọng đổi mới công tác quản lý, bước đầu đã góp phần nâng cao năng suất, tính cạnh tranh của sản phẩm, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu ngành.

Công tác quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST và CDS từng bước đổi mới. Hệ thống cơ chế, chính sách đã ban hành và tổ chức thực hiện khá đồng bộ, hiệu quả thông qua các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh. Theo đó, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình số 26-CTr/TU, ngày 12/4/2013 về “Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012

của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 02/04/2021 về “Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” và Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 13/10/2021 về “Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”. HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 về nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 4282/KH-UBND ngày 28/6/2013 về thực hiện Chương trình số 26-CTr/TU, ngày 12/4/2013 của Tỉnh ủy; Chương trình số 147/CTr-UBND, ngày 07/01/2022 về thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 13/10/2021 của Tỉnh ủy...

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động KHCN, ĐMST và CDS vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: Hoạt động khoa học và công nghệ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và sự phát triển của tỉnh, trình độ công nghệ của một số ngành sản xuất còn lạc hậu; cầu nối giữa nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với sản xuất và đời sống chưa được chú trọng đúng mức nên một số mô hình tiên tiến chưa được đầu tư nhân rộng; thị trường khoa học và công nghệ bước đầu được hình thành nhưng phát triển còn chậm; các tổ chức, cá nhân chưa tiếp cận được với Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh vì nhiều thủ tục bất cập. Hoạt động chuyển đổi số bước đầu được triển khai trên một số lĩnh vực, các vấn đề về hạ tầng, ứng dụng, cơ sở dữ liệu, nguồn nhân lực, nền tảng phát triển chính quyền điện tử, đô thị thông minh chưa thực sự sẵn sàng cho lộ trình chuyển đổi số toàn diện của tỉnh theo định hướng của Chính phủ giai đoạn tới.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên, ngoài những nguyên nhân khách quan, chủ yếu là do xuất phát điểm của nền kinh tế tỉnh còn thấp, tư duy sản xuất nhỏ. Một số cấp ủy đảng, chính quyền, một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ, chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KHCN, ĐMST và CDS. Bên cạnh đó, việc cụ thể hóa các cơ chế, chính sách xác định ưu tiên, tổ chức quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phân bổ kinh phí áp dụng cho địa phương còn nhiều bất cập, chưa phù hợp; phát triển vùng sản xuất hàng hóa và khai thác các yếu tố nội vùng và phát triển dây chuyền sản xuất công nghệ hiện đại tại tỉnh còn nhiều hạn chế. Các ngành chuyên môn chưa phát huy vai trò nòng cốt trong việc tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS. Sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương chưa thường xuyên, chuyển đổi số chậm đổi mới; một số địa phương thiếu nguồn nhân lực chuyên trách về các hoạt động khoa học và công nghệ; chưa có cơ chế cụ thể để thu hút các nguồn đầu tư cho KHCN, ĐMST và CDS.

II- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt đầy đủ, sâu sắc nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh về vị trí, vai trò, tầm quan trọng nhằm đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia.

- Xác định nhiệm vụ đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS là yếu tố quyết định phát triển tỉnh Đắk Lắk nhanh, bền vững để trở thành tỉnh phát triển công nghiệp hiện đại, đạt trình độ phát triển trung bình trong nhóm dẫn đầu cả nước và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2050, góp phần đưa đất nước phát triển mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên giàu mạnh, hùng cường, thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

2. Yêu cầu

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần nhận thức sâu sắc, đầy đủ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được nêu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, qua đó, xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm, phù hợp với thực tế và điều kiện cụ thể của tỉnh để xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai thực hiện phù hợp với từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm người đứng đầu tổ chức đảng, chính quyền phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện, vận dụng linh hoạt, sáng tạo, chủ động để xây dựng các cơ chế, chính sách của tỉnh đảm bảo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, phù hợp với tình hình thực tiễn trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

III- MỤC TIÊU

1. Đến năm 2030

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm các tỉnh, thành phố có thu nhập cao trên toàn quốc; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức cao hơn so với bình quân chung của cả nước.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế phần đầu ở mức từ 42% trở lên; quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP của tỉnh; tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 80%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt 80%; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi

mới sáng tạo, nghiên cứu và phát triển (R&D) phần đầu đạt trên 30% trong tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Đắk Lắk, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh đạt 0,7.

- Bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Hệ thống tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được sắp xếp lại bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo. Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 10 người trên một vạn dân; có từ 01 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực vùng Tây Nguyên; số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình 5%/năm; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 10%/năm, tỉ lệ khai thác thương mại đạt 5-10%.

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến; từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, công nghệ địa không gian (viễn thám, GIS), thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi; phủ sóng 5G toàn tỉnh.

- Thực hiện quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu tại địa phương với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sản phẩm dịch vụ dữ liệu. Phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hóa số đạt mức khá trong các tỉnh về chuyển đổi số. Đắk Lắk thuộc nhóm các tỉnh được xếp loại A về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.

2. Tầm nhìn đến 2045

KHCN, ĐMST và CDS phát triển vững chắc, góp phần giữ vững là tỉnh phát triển khá và trở thành tỉnh phát triển của khu vực Tây Nguyên vào năm 2045. Phần đầu tỉnh Đắk Lắk thuộc nhóm 30 tỉnh, thành có xếp hạng trung bình khá về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các tỉnh, thành phát triển; tăng dần số doanh nghiệp công nghệ số.

IV- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển KHCN, ĐMST và CDS, xác định rõ trách nhiệm, chủ động triển khai thực hiện. Người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện. Nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương; kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm. Bố trí số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật phù hợp trong cấp uỷ các cấp. Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS.

- Rà soát quy định tiêu chuẩn chức danh công chức, lãnh đạo quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước theo hướng phấn đấu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước đạt tối thiểu 25%. Quan tâm hỗ trợ các chính sách giữ chân đối với các nhà khoa học đang công tác trong hệ thống các cơ quan, đơn vị nhà nước để thúc đẩy sự đóng góp trí tuệ trong phát triển của địa phương.

- Có chương trình tuyên truyền, giáo dục hiệu quả để nâng cao nhận thức, quyết tâm chính trị, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số trong cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp, tạo niềm tin, khí thế mới trong xã hội. Triển khai sâu rộng phong trào “*học tập số*”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Mở rộng đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS; trân trọng từng phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù là nhỏ nhất.

2. Khẩn trương, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về nâng cao vai trò quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về KHCN, ĐMST và CDS; tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển KHCN, ĐMST

và CDS quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CDS, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

- Thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về KHCN, ĐMST và CDS. Nâng cấp và có cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp.

- Thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển KHCN, ĐMST và CDS. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Có cơ chế khuyến khích mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hoá là kết quả nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp trong tỉnh tạo ra. Kịp thời biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân và các nhà khoa học ở địa phương có nhiều hoạt động đổi mới sáng tạo, sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới mang lại hiệu quả thiết thực

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản của cấp trên về phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong khai thác, phát triển không gian ngầm, không gian vũ trụ.

- Chú trọng phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược. Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ hiện đại trong quản lý tài nguyên, môi trường; quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của địa phương để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm, tập trung cho công nghệ chiến lược. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số. Ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số; chính sách đặc biệt để đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực

chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp an ninh mạng. Xây dựng và dùng chung các nền tảng số, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.

- Triển khai cơ chế hợp tác công tư để phát triển hạ tầng số hiện đại, trong đó nguồn lực nhà nước là chủ yếu. Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao phủ sóng toàn tỉnh, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu. Phát triển ngành công nghiệp IoT, xây dựng một số cụm công nghiệp IoT di động.

- Triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây. Tiếp tục đầu tư phát triển tiềm lực cho Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường chất lượng tỉnh, Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Đắk Lắk, Trung tâm ứng dụng, Trung tâm thực nghiệm, các trại thực nghiệm... Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu của địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ. Có cơ chế, chính sách bảo đảm dữ liệu thành nguồn tài nguyên tư liệu sản xuất quan trọng. Xác lập quyền sở hữu, kinh doanh dữ liệu và phân phối giá trị tạo ra từ dữ liệu. Phát triển kinh tế dữ liệu, thị trường dữ liệu và các sản phẩm dịch vụ dữ liệu. Hình thành ngành công nghiệp dữ liệu lớn. Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng. Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động các phòng thí nghiệm, kiểm định của tỉnh đáp ứng nhu cầu kiểm định, kiểm nghiệm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, môi trường của người dân, doanh nghiệp và phục vụ công tác quản lý nhà nước.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh

- Xây dựng đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ đủ mạnh về số lượng và chất lượng, đủ năng lực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành trong việc hoạch định quy hoạch, kế hoạch và các chính sách phát triển khoa học, công nghệ của tỉnh; có bản lĩnh chính trị vững vàng và đủ năng lực.

- Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST và CDS của tỉnh. Nghiên cứu hoàn thiện các chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộ, đào tạo, đào tạo lại cán bộ khoa học, công nghệ trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên, có thế mạnh của tỉnh (*công nghiệp chế biến, chế tạo; dịch vụ, du lịch; công nghiệp văn hóa; công nghệ thông tin; nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái...*); chính sách thu hút nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng

cao, nhất là các nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia cao cấp trong nước và nước ngoài, cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ chuyên môn cao, sinh viên xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ về làm việc, tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tỉnh và đặc biệt có chính sách giữ chân các nhà khoa học đang công tác trong các cơ quan quản lý (*chính sách về tiền lương, điều kiện làm việc, xét chuyển ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp...*). Ban hành cơ chế đặc thù thu hút người có trình độ cao về tỉnh làm việc, sinh sống. Xây dựng, kết nối và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài tỉnh.

- Xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến, mô hình giáo dục đại học số, nâng cao năng lực số trong xã hội.

- Đẩy mạnh hợp tác với các đại học uy tín trong và ngoài nước; hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

- Có kế hoạch và lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước. Xây dựng nền tảng số dùng chung quốc gia, phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân. Có chính sách đặc thù để thu hút, tuyển dụng, giữ chân nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

- Phát triển văn hoá số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội. Xây dựng nền tảng số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ địa không gian nhằm quản lý, giám sát, xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường của tỉnh Đắk Lắk.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên nền tảng số và không gian mạng; an ninh, an toàn dữ liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và chủ quyền an ninh dữ liệu quốc gia. Ngăn chặn hiệu quả tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến. Xây dựng, phát huy sức mạnh thể trận chiến tranh nhân dân, thể trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Triển khai các chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

- Nghiên cứu có chính sách khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về KHCCN, ĐMST và CDS, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp tại Đắk Lắk.

- Triển khai cơ chế, chính sách hỗ trợ hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghệ trong tỉnh quy mô lớn để phát triển hạ tầng số; cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số. Phát triển khu công nghiệp công nghệ số. Thúc đẩy doanh nghiệp tái đầu tư nâng cấp hạ tầng, đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D).

- Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bảo đảm kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tối thiểu 70% kinh tế số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đa dạng hoá và đẩy mạnh hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ có trọng tâm, trọng điểm, theo lĩnh vực ưu tiên; gắn kết giữa hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ với hợp tác quốc tế về kinh tế. Chủ động tăng cường hợp tác nghiên cứu chung với các đối tác quan trọng sở hữu công nghệ nguồn. Chú trọng khai thác, chuyển giao công nghệ từ các địa bàn có công nghệ nguồn để rút ngắn khoảng cách, nâng cao trình độ, năng lực khoa học và công nghệ địa phương. Khuyến khích các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp ở địa phương. Hỗ trợ hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật về khoa học và công nghệ tầm khu vực và quốc tế và tham gia các hội thảo, hội nghị quốc tế.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình này, qua đó nâng cao nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị trong thực hiện phát triển KHCCN, ĐMST và CDS trên địa bàn tỉnh nói chung và các địa phương nói riêng.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình này tới cán bộ đảng viên, hội viên, đoàn viên và Nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Đảng ủy UBND tỉnh:

- Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình này; trong đó, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình này; định kỳ hằng năm có đánh giá kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh.

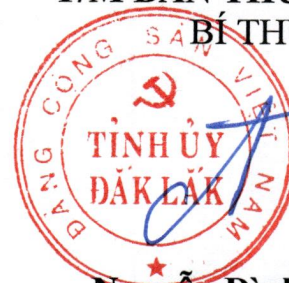
4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng cơ chế, chính sách phát triển KHCN, ĐMST và CDS.

5. Giao Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển KHCN, ĐMST và CDS của tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng,
- Ban Tuyên giáo và Dân vận TW, (báo cáo)
- Văn phòng TW Đảng, T78,
- Bộ Khoa học và Công nghệ,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Đảng ủy UBND tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy,
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (hn).

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Nguyễn Đình Trung